

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG DỰ THẢO VĂN KIỆN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

PGS, TS. NGUYỄN THANH TUẤN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ThS. TRỊNH THÚY LIỄU

Trường Chính trị tỉnh Cà Mau

Ngày tiếp nhận: 30/11/2025 Ngày bình duyệt: 08/12/2025 Ngày duyệt đăng: 20/12/2025

● **Tóm tắt:** Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV tiếp tục khẳng định quan điểm chỉ đạo về phát triển bền vững ở Việt Nam, trong đó nhấn mạnh “phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường”. Đây là một trong những quan điểm mới được Đảng trình ra Đại hội lần thứ XIV nhằm đưa Việt Nam phát triển đất nước bền vững trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Trên cơ sở làm rõ nội dung của quan điểm mới này, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo vệ môi trường ở Việt Nam trong thời gian tới.

● **Từ khóa:** Phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV

Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV, xác định quan điểm chỉ đạo: “Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm...”¹. Đây vừa cam kết chính trị đồng thời là quyết sách chiến lược về phát triển đất nước nhanh, bền vững; đồng thời đặt nhiệm vụ bảo vệ tốt môi trường, sinh thái làm thước đo trong mỗi chính sách phát triển kinh tế, xã hội.

1. Phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường là nhiệm vụ trung tâm trong chiến lược xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Thứ nhất, điểm mới về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, xã hội nhanh, bền vững

Trong các nhiệm kỳ trước đây, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, xã hội bền vững được Đảng ta chủ yếu đề cập ở nguyên tắc chỉ đạo, mà chưa xác định đây là nhiệm vụ trung tâm trong mỗi bước đi, trong từng chính sách phát triển kinh tế, xã hội. Điểm mới căn bản trong Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng về bảo vệ môi trường được xem là một trụ cột để xác lập mô hình phát triển kinh tế, xã hội nhanh, bền vững². Quan điểm này nhằm khẳng định chắc chắn nguyên tắc chỉ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam: không đánh đổi lợi ích ngắn hạn của thế hệ hôm nay để bảo đảm lợi ích hài hòa, hợp lý dài hạn giữa thế hệ hiện tại và các thế hệ tương lai.

Thứ hai, nâng tầm cam kết quốc tế về phát triển kinh tế xanh

Từ Hội nghị Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu năm 2015 (COP 21), Việt Nam cùng các bên tham gia đã thống nhất mục tiêu giới hạn mức tăng nhiệt toàn cầu không vượt quá 1,5°C so với thời kỳ tiền công nghiệp theo Thỏa thuận Paris; tiếp nối cam kết đó, tại Hội nghị Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu năm 2021 (COP 26), Việt Nam cam kết mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 (NetZero) - một cột mốc có tính bước ngoặt, khẳng định rõ trách nhiệm và quyết tâm của nước ta trong việc đồng hành cùng thế giới giảm thiểu tác động của khủng hoảng khí hậu. Ngoài mục tiêu Net Zero, Việt Nam còn tích cực tham gia nhiều sáng kiến quốc tế khác như: cam kết giảm phát thải methane toàn cầu, Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất, Tuyên bố toàn cầu về chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch, v.v..³. Để thực hiện các cam kết đó, Chính phủ đã triển khai hàng loạt biện pháp đồng bộ, từ hoàn thiện khung pháp lý đến hoạch định các chiến lược dài hạn để xây dựng lộ trình hiện thực hóa các mục tiêu trên. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP 26 và phê duyệt Đề án triển khai thực hiện cam kết; chỉ đạo lồng ghép các mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu vào mọi chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội. Nhiều văn bản quan trọng đã được ban hành quy định cụ thể về giảm phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường carbon và các cơ chế quản lý liên quan, nổi bật là Quyết định 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 *phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050* và Quyết định số

888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 *phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*; Nghị định 06/2022/NĐ-CP *quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn* và Nghị định 119/2025/NĐ-CP *sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP*; v.v..

Nhằm thực hiện quyết liệt các cam kết về bảo vệ môi trường trong giai đoạn phát triển mới, Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần này đã nâng tầm cam kết về phát triển kinh tế xanh không chỉ nội luật hóa các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường Việt Nam đã ký kết, mà còn xác định chiến lược thu hút vốn xanh, tín chỉ carbon và công nghệ sạch thông qua chuyển đổi năng lượng, phát triển kinh tế tuần hoàn và đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Điều này cho thấy quyết tâm chính trị rất cao của Việt Nam đối với chuyển đổi nền kinh tế từ “kinh tế nâu” sang “kinh tế xanh”, mở ra cơ hội thu hút các nguồn lực tài chính xanh, công nghệ tiên tiến và các dự án hợp tác nhằm tăng cường năng lực bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, tạo động lực cho phát triển kinh tế, xã hội xanh và bền vững.

Thứ ba, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế, xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo vệ môi trường

Thể chế phát triển (thể chế chính trị, thể chế kinh tế, thể chế xã hội, thể chế môi trường sinh thái) là tập hợp các quan điểm chỉ đạo, quy định pháp luật và tổ chức tương tác với nhau nhằm định hướng, điều phối và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, tạo động lực, giải phóng tiềm năng và phân bổ nguồn lực

hiệu quả cho quốc gia. Khác với cách nhìn rời rạc về từng chiều cạnh riêng lẻ, khái niệm thể chế phát triển nhấn mạnh tính kết nối, phụ thuộc lẫn nhau và hiệu ứng lan toả giữa các trụ cột thể chế khác nhau. Chủ trương tiếp tục xây dựng và hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, trong đó “thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là rất quan trọng”⁴. Đây là sự kế thừa, phát triển tư duy về đổi mới thể chế đã được đề cập qua một số nhiệm kỳ Đại hội gần đây. Tuy vậy trong Dự thảo Văn kiện Đại hội lần này, sự khác biệt quan trọng nằm ở các khía cạnh sau⁵: (i) tính tổng thể biểu hiện ở quan điểm coi hoàn thiện thể chế không chỉ là sửa đổi luật pháp rời rạc mà là xây dựng đồng bộ các trụ cột: chính trị, kinh tế, pháp luật, hành chính, xã hội, khoa học - công nghệ và thể chế bảo đảm phát triển con người toàn diện gắn với bảo đảm quyền con người; (ii) việc xem thể chế kinh tế là trọng tâm phản ánh nhận thức sâu sắc rằng chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế phụ thuộc trực tiếp vào vận hành cơ chế thị trường, cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực, môi trường kinh doanh và chính sách vĩ mô bền vững. Thể chế kinh tế là trọng tâm không có nghĩa là các thể chế khác bị xem nhẹ; ngược lại, nó yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa thể chế kinh tế với các thể chế, cơ chế pháp lý, về quản lý tài nguyên để phát triển nhanh, bền vững; (iii) sự nhấn mạnh “các thể chế khác là rất quan trọng” cho thấy sự đổi mới thể chế về giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường... và quản trị các lĩnh vực khác đều góp phần quyết định sức mạnh, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh phát triển nhanh, bền vững trong dài hạn;

(iv) chủ trương đổi mới thể chế đều gắn liền với yêu cầu hành động quyết liệt theo phương châm: chuẩn hóa quy trình, minh bạch hóa thông tin, phân công trách nhiệm rõ ràng và cơ chế giám sát, đánh giá kết quả. Đột phá này còn nằm ở việc thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào quản trị, tạo động lực cho phát triển cả khu vực công và tư.

2. Những khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo vệ môi trường

Để những quan điểm mới của Đảng về phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường được triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả trong thực tiễn, cấp ủy các cấp, các tổ chức đảng và chính quyền các cấp cần chú trọng đến các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với các lĩnh vực kinh tế, xã hội trong sản xuất và chuyển đổi sinh kế theo hướng “thuận thiên”, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng chịu ảnh hưởng của suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu, biên giới, hải đảo, dân tộc thiểu số. Trong sản xuất và chuyển đổi sinh kế, việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo giúp tăng năng suất, nâng cao chất lượng các sản phẩm của địa phương, đặc biệt vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Bên cạnh đó, thực hiện điều này còn góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong ứng phó đối với các hiện tượng thiên nhiên, tăng cường năng lực tự bảo vệ trước những ảnh hưởng tiêu cực của suy thoái, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Các bộ, ngành cần chủ động xây dựng kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với lộ trình đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 phù hợp với từng ngành, lĩnh vực:

Một là, trong lĩnh vực năng lượng. Việt Nam đã phê duyệt Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, nhằm giảm dần sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch và đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời và sinh khối; từ đó cần áp dụng các giải pháp nâng cao hiệu quả và tiết kiệm năng lượng trong hoạt động công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng, đồng thời khuyến khích công nghệ sản xuất sạch với hàm lượng carbon thấp để giảm phát thải.

Hai là, trong lĩnh vực nông nghiệp. Các địa phương triển khai hiệu quả các phương thức canh tác lúa bền vững như “1 phải 5 giảm” và kỹ thuật tưới ngập khô xen kẽ (AWD) cần được áp dụng rộng rãi để cắt giảm phát thải khí methane; quản lý phân bón hiệu quả để hạn chế phát thải N_2O ; xử lý phụ phẩm nông nghiệp như rơm rạ thay vì đốt ngoài đồng để tái sử dụng thành phân bón hoặc nguồn năng lượng; phát triển chăn nuôi bền vững thông qua cải thiện khẩu phần ăn của vật nuôi và áp dụng công nghệ xử lý chất thải; tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án *Phát triển bền vững một triệu ha lúa chuyên canh chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long* đến năm 2030 để hướng tới nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ba là, trong lĩnh vực lâm nghiệp. Các tỉnh, thành tiếp tục duy trì và củng cố chính sách đóng cửa rừng tự nhiên để bảo vệ và phát triển rừng, tăng khả năng hấp thu carbon; tiếp tục đẩy mạnh các chương trình tái sinh rừng tự nhiên, trồng rừng mới, quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; nâng cao hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) nhằm tạo nguồn tài chính ổn định để bảo vệ rừng và cải thiện

sinh kế cho cộng đồng địa phương; tiếp tục đàm phán và triển khai các thỏa thuận quốc tế về chi trả giảm phát thải để thúc đẩy việc tham gia thị trường carbon toàn cầu.

Bốn là, trong lĩnh vực quản lý chất thải. Chính quyền các cấp khuyến khích và từng bước đưa vào thực hiện quy định bắt buộc về phân loại chất thải tại nguồn để nâng cao hiệu quả tái chế, xử lý; đồng thời áp dụng công nghệ hiện đại như đốt rác phát điện để thay thế phương thức chôn lấp, giảm phát thải khí methane; đẩy mạnh các hoạt động thu gom, tái chế, tái sử dụng nhựa, giấy, kim loại nhằm giảm khối lượng chất thải đưa vào bãi chôn lấp; tiếp tục triển khai các dự án sản xuất năng lượng từ chất thải, bao gồm sản xuất khí sinh học (biogas) từ chất thải hữu cơ và xử lý nước thải, tại nhiều địa phương, cùng với việc tiếp tục hoàn thiện các chính sách pháp luật như Luật Bảo vệ môi trường và các nghị định liên quan.

Năm là, trong lĩnh vực công nghiệp. Ngành công nghiệp tiếp tục áp dụng công nghệ mới tại nhiều doanh nghiệp để giảm phát thải trực tiếp từ sản xuất; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu thay thế để giảm lượng clinker trong sản xuất xi măng, đồng thời thu hồi và tái chế các khí nhà kính công nghiệp như HFC, PFC, SF_6 và N_2O , đặc biệt trong ngành điện lạnh và sản xuất chất bán dẫn; tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn kỹ thuật về sản phẩm và vật liệu xây dựng carbon thấp nhằm kiểm soát việc sử dụng các chất làm suy giảm tầng ozone.

Sáu là, trong lĩnh vực tài nguyên. Chính quyền các cấp thực hiện tốt việc thúc đẩy, bảo tồn và nâng cao chất lượng môi trường thông qua các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa việc khai thác trái phép các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có, các dự án ảnh hưởng xấu đến môi trường, đời sống và

sinh kế của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại địa phương.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp, cộng đồng và từng cá nhân nỗ lực cùng nhau hành động hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0”. Trong đó, các ngân hàng và doanh nghiệp trong nước cần tích cực đầu tư vào công nghệ xanh và quy trình sản xuất sạch hơn, đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường; đồng thời sẵn sàng tham gia thị trường carbon trong nước cũng như các sáng kiến, hiệp định quốc tế về biến đổi khí hậu. Các doanh nghiệp cần triển khai các chương trình tiết kiệm điện, lắp đặt điện mặt trời mái nhà, sử dụng chứng chỉ năng lượng tái tạo (REC); áp dụng mô hình chuỗi cung ứng xanh và kinh tế tuần hoàn nhằm giảm thiểu phát thải trong toàn bộ quá trình sản xuất và phân phối.

Ngoài ra, cộng đồng xã hội cần phát huy vai trò tích cực, then chốt trong việc thực hiện các cam kết khí hậu. Việc nâng cao nhận thức và giáo dục lối sống xanh, thay đổi hành vi tiêu dùng, giảm rác thải và ưu tiên sử dụng các sản phẩm bền vững là những hành động thiết thực góp phần giảm phát thải khí nhà kính. Các phong trào trồng cây, tái chế, tiết kiệm năng lượng, cũng như sự tham gia của người dân trong các dự án bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và phục hồi hệ sinh thái, ngày sẽ càng lan tỏa mạnh mẽ, tạo nên nền tảng xã hội vững chắc để bảo vệ môi trường gắn với phát triển kinh tế, xã hội nhanh, bền vững nhằm tiến tới mục tiêu Net Zero.

Thứ hai, quản lý chặt chẽ sự di cư nhằm thúc đẩy hình thành cơ chế di dân có sự quản lý của nhà nước để giải quyết việc làm cho người dân trên cơ sở cân đối nguồn

nhân lực nội vùng và giữa các vùng trên cả nước; bảo đảm sinh kế bền vững và cân bằng sinh thái. Hiện Việt Nam chưa có cơ quan chuyên trách về các vấn đề di cư. Việc thành lập cơ quan chuyên trách giải quyết vấn đề này là một phương án cần được quan tâm, qua đó nhằm tránh được tính hình thức và dàn trải trong việc tổ chức, thực thi nhiệm vụ giảm thiểu suy thoái, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

Thứ ba, nâng cao vai trò và trách nhiệm của Nhà nước đối với việc bảo đảm các quyền con người về môi trường. Chính quyền các cấp có trách nhiệm giải trình về các hoạt động tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy thực hiện quyền con người về môi trường, bao gồm các chính sách để bảo đảm quyền sống trong môi trường trong lành, quyền tiếp cận thông tin về môi trường, quyền tiếp cận công lý trong lĩnh vực môi trường, v.v... và có biện pháp bảo đảm các quyền con người theo các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Ngoài ra, các cơ quan chức năng thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý nghiêm minh các hành vi gây ô nhiễm môi trường; thực hiện nghiêm nguyên tắc: tổ chức, cá nhân có hoạt động vi phạm pháp luật về môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái (như doanh nghiệp xả thải, hộ gia đình xả rác bừa bãi), phải có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại cho bên bị ảnh hưởng và bị xử lý theo pháp luật.

Việc thúc đẩy các chính sách phát triển con người toàn diện phải gắn với bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền sống trong môi trường trong lành. Hiện nay, ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy, cần chủ động biến nguy thành cơ trong quá trình phát triển, giúp cải thiện khả năng chống chịu với các hiểm họa thiên nhiên (nước

biển dâng, đất và nước nhiễm mặn, bão, lũ, cháy rừng,...) đối với cá nhân và cộng đồng, đặc biệt là các giải pháp đa dạng hóa sinh kế một cách hợp lý và chính đáng tại các vùng thường xuyên chịu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Vì thế, Quốc hội, Chính phủ Việt Nam tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền con người về môi trường, trong đó hoàn thiện các chính sách về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường để tạo ra môi trường trong lành, bảo đảm sức khỏe, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

Trong quá trình hoàn thiện chính sách kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường, Nhà nước phải luôn đề cao vai trò con người và lấy con người làm trung tâm trong các chính sách phát triển kinh tế, xã hội. Vì thế, các ngành, các cấp phải sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người (Rights-Based Approach) trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách công. Phương pháp này tăng cường năng lực cho người dân tham gia vào đối thoại xây dựng chính sách, pháp luật; củng cố sự đồng thuận thông qua các tiến trình tham gia của đông đảo người dân vào thực hiện các chính sách, chương trình phát triển gắn với giải trình và tính minh bạch phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và với các tiến trình dân chủ hóa ở Việt Nam. Ngoài ra, phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người trong quy trình chính sách công sẽ giúp đảm bảo các hoạt động cứu trợ nhân đạo trong thảm họa thiên nhiên sẽ không bị tiến hành theo xu hướng phân biệt đối xử⁶, từ đó quá trình tái thiết và khôi phục được thực hiện một cách công bằng và minh bạch.

Thứ tư, tiếp tục đề cao vai trò trung tâm và nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của người dân tại vùng chịu tác động bởi suy thoái, ô nhiễm môi trường,

biến đổi khí hậu. Chính quyền địa phương các cấp coi trọng việc thực hiện và phát huy quyền của người dân bản địa trong bảo vệ môi trường bằng cách chú ý bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống của họ; lưu giữ và phát huy những giá trị của kho tàng tri thức bản địa về: quản lý và khai thác tự nhiên, bảo vệ sinh thái đất và rừng, thực hành sinh kế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, quản lý xã hội và thực hành tôn giáo, tín ngưỡng bản địa, v.v...

Bảo vệ môi trường là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Tầm quan trọng đó được Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV xếp ngang bằng với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và xem đây là ba nhiệm vụ trung tâm trong phát triển đất nước Việt Nam giai đoạn mới. Nhận thức mới của Đảng về tầm quan trọng này cho thấy nhiệm vụ bảo vệ môi trường phải được các ngành, các cấp, các địa phương thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả trong từng chính sách, từng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội. ■

^{1, 4} Đảng Cộng sản Việt Nam (2025): *Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, ngày 14/10/2025, tr.19, 21.

^{2, 5} Báo điện tử Chính phủ (2025): *Một số vấn đề mới, quan trọng trong Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng*, <https://baohinhphu.vn/mot-so-van-de-moi-quan-trong-trong-du-thao-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiv-cua-dang-102251022090115431.htm>, truy cập ngày 30/10/2025.

³ Báo điện tử Chính phủ (2025): *Việt Nam đã cam kết phát triển kinh tế xanh và trung hòa carbon vào năm 2050 tại Hội nghị COP26 năm 2021*, <https://baohinhphu.vn/viet-nam-tich-cuc-chu-dong-trien-khai-bai-ban-cac-cam-ket-tai-cop26-102231124211547625.htm>, truy cập ngày 10/11/2025.

⁶ Nguyễn Mạnh Hùng (2012): *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về các quyền mới xuất hiện trong quá trình phát triển*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.48.